

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2575** /UBND-NC

Quảng Ngãi, ngày **31** tháng 5 năm 2022

V/v đề xuất tiêu chí
quy định khung số lượng
cơ quan chuyên môn
thuộc UBND cấp tỉnh
và cấp huyện

KHẨN

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 2057/BNV-TCBC ngày 19/5/2022 của Bộ Nội vụ về việc phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết 04/NQ-CP và theo đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 844/SNV-TCBC ngày 27/5/2022 về việc đề xuất tiêu chí quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và cấp huyện, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất một số nội dung sau:

1. Về tiêu chí quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện:

Đề nghị Bộ Nội vụ vận dụng theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để nghiên cứu, tham mưu tiêu chí quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo phù hợp với thực tiễn ở địa phương:

- Hiện tỉnh Quảng Ngãi có 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
- Đối với UBND 13 huyện, thị xã, thành phố đề nghị được chia thành 03 nhóm:
 - + 05 huyện miền núi bố trí 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
 - + 07 huyện đồng bằng, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi bố trí 12 cơ quan chuyên môn;
 - + Huyện đảo Lý Sơn bố trí 10 cơ quan chuyên môn.

Thực trạng bố trí cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện của tỉnh Quảng Ngãi cơ bản phù hợp với thực tiễn của địa phương. Trường hợp Trung ương có quy định mới, UBND tỉnh sẽ triển khai thực hiện sắp xếp đảm bảo theo quy định.

3. Thực trạng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện:

Cụ thể theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 đính kèm.

Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NCvi320.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



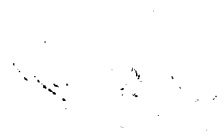
Phụ lục 1

THỰC TRẠNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số 2575/UBND-NC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên cơ quan	Số lượng tổ chức bên trong		Số lượng biên chế		Số lượng cấp phó
		Tổ chức hành chính	Đơn vị sự nghiệp	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	
1	2	3	4	5	6	7
1	Văn phòng UBND tỉnh	7	1	62	16	3
2	Thanh tra tỉnh	5	0	38	0	3
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8	1	44	11	3
4	Sở Tài chính	6	0	53	0	3
5	Sở Công Thương	7	1	40	12	3
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12	9	240	242	2
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	7	4	59	0	3
8	Sở Giao thông vận tải	7	3	69	0	3
9	Sở Xây dựng	6	1	38	0	2
10	Sở Khoa học và Công nghệ	5	1	35	25	2
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	39	47	2686	3
12	Sở Y tế	8	201	55	2775	2
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	4	43	114	2
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7	4	40	65	2
15	Sở Tư pháp	5	3	31	23	2
16	Sở Nội vụ	9	1	67	14	2
17	Ban Dân tộc	3	0	17	0	2
18	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	7	3	87	24	3
19	Sở Thông tin và Truyền thông	4	1	24	12	2
20	Sở Ngoại vụ	2	1	16	0	2
	TỔNG CỘNG	127	278	1.105	6.019	49



Phụ lục 2
THỰC TRẠNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC
UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Công văn số 575/UBND-NC ngày 31 tháng 5/2022 của UBND
tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên cơ quan	Số lượng cấp phó	Số lượng biên chế	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG	158	719	
1	Huyện Sơn Tây	10	37	
1.1	Phòng Tài chính - KH	1	5	
1.2	Phòng Dân tộc	1	3	
1.3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1	4	
1.4	Phòng NN & PTNT	1	4	
1.5	Phòng Y tế	1	1	
1.6	Phòng GD-ĐT	1	4	
1.7	Phòng VH-TT	1	3	
1.8	Phòng Tư pháp	1	3	
1.9	Phòng LĐTB&XH	1	5	
1.10	Phòng TN&MT	1	5	
2	Huyện Ba Tơ	13	61	
2.1	Phòng Nội vụ	1	7	
2.2	Phòng Tư pháp	1	3	
2.3	Thanh tra huyện	1	4	
2.4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	6	
2.5	Phòng LĐ-TB&XH	2	7	
2.6	Phòng Dân tộc	0	3	
2.7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2	7	
2.8	Phòng NN&PTNT	2	6	
2.9	Phòng Y tế	0	1	
2.10	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	3	
2.11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	0	6	
2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	8	
3	Huyện Bình Sơn	14	58	
3.1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	7	
3.2	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	4	
3.3	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	7	
3.4	Phòng Lao động - TB&XH	2	8	
3.5	Phòng Tư pháp	1	4	
3.6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	10	
3.7	Phòng Y tế	0	2	
3.8	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	2	9	

3.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	2	7	
4	Thị xã Đức Phổ	10	56	
4.1	Phòng Quản lý đô thị	1	7	
4.2	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	4	
4.3	Phòng Kinh tế	2	8	
4.4	Phòng Lao động - TB&XH	1	7	
4.5	Phòng Tư pháp	1	3	
4.6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	7	
4.7	Phòng Y tế	0	2	
4.8	Phòng Tài chính - Kế hoạch	0	7	
4.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	7	
4.10	Thanh tra thị xã	1	4	
5	Huyện Minh Long	8	41	
5.1	Phòng Nội vụ	1	4	
5.2	Phòng Lao động TB và XH	1	5	
5.3	Phòng Tài chính – Kế hoạch	0	5	
5.4	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	3	
5.5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	0	3	
5.6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	0	4	
5.7	Phòng Y tế	1	2	
5.8	Phòng Dân Tộc	1	2	
5.9	Thanh tra huyện	1	3	
5.10	Phòng Tư pháp	0	3	
5.11	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0	3	
5.12	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	4	
6	Huyện Mộ Đức	12	51	
6.1	Phòng LĐ-TB&XH	2	7	
6.2	Phòng TC-KH	2	8	
6.3	Phòng NN&PTNT	1	7	
6.4	Phòng Tư pháp	0	3	
6.5	Phòng KT&HT	2	7	
6.6	Phòng TN&MT	2	8	
6.7	Phòng VH&TT	1	3	
6.8	Phòng Y tế	0	1	
6.9	Phòng GD&ĐT	2	7	
7	Huyện Nghĩa Hành	11	52	
7.1	Phòng Nội vụ	2	6	
7.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	5	
7.3	Phòng Lao động - TB &XH	2	6	
7.4	Phòng Tư pháp	0	3	
7.5	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông	1	5	
7.6	Phòng Y tế	0	2	
7.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	6	
7.8	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	4	
7.9	Thanh tra huyện	1	4	

7.10	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	1	6	
7.11	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	5	
8	Huyện Sơn Hà	6	44	
8.1	Phòng Tư pháp	0	3	
8.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	6	
8.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	5	
8.4	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	1	6	
8.5	Phòng Văn hóa và Thông tin	0	2	
8.6	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1	6	
8.7	Phòng Y tế	0	2	
8.8	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1	6	
8.9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1	5	
8.10	Phòng Dân tộc	0	3	
9	Huyện Sơn Tịnh	17	60	
9.1	Thanh tra huyện	1	6	
9.2	Phòng Lao động - Thương binh và XH	2	8	
9.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	6	
9.4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	6	
9.5	Phòng Y tế	0	1	
9.6	Phòng Tư pháp	1	3	
9.7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	6	
9.8	Phòng Nội vụ	2	6	
9.9	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2	7	
9.10	Phòng VH và TT	1	3	
9.11	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện	2	8	
10	Huyện Trà Bông	17	71	
10.1	Phòng Tài chính – Kế hoạch	2	11	
10.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	9	
10.3	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	2	9	
10.4	Phòng LĐ-TB&XH huyện	2	8	
10.5	Phòng Tư pháp	2	5	
10.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2	9	
10.7	Phòng GD&ĐT	1	8	
10.8	Phòng Văn hóa và Thông tin	2	4	
10.9	Phòng Dân tộc	2	6	
10.10	Phòng Y tế	0	2	
11	Huyện Tư Nghĩa	17	64	
11.1	Phòng Nội vụ	2	8	
11.2	Phòng Lao động-TB&XH	2	7	
11.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	8	
11.4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	9	
11.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	8	
11.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2	7	
11.7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	7	
11.8	Phòng Văn hóa và Thông tin	0	3	
11.9	Phòng Tư pháp	1	3	
11.10	Thanh tra huyện	2	4	
11.11	Phòng Y tế	0	0	

12	Huyện Lý Sơn	10	47	
12.1	Phòng TC-KH	2	9	
12.2	Phòng Tư Pháp	1	6	
12.3	Phòng KT và HTNT	2	10	
12.4	Phòng TN và MT	1	7	
12.5	Phòng VH và TT	1	5	
12.6	Phòng Lao động, TBXH-Y tế	1	3	
12.7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	7	
13	Thành phố Quảng Ngãi	13	77	
13.1	Phòng Tư pháp	0	4	
13.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	10	
13.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2	17	
13.4	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	1	9	
13.5	Phòng Y tế	0	2	
13.6	Phòng Quản lý đô thị	3	16	
13.7	Phòng Kinh tế	2	9	
13.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	7	
13.9	Phòng Văn hóa và Thông tin	1	3	

Ghi chú: Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện nêu trên không tổng hợp các cơ quan chuyên môn (*Văn phòng HĐND và UBND, Thanh tra, Nội vụ*) của một số huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện thí điểm hợp nhất với cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy)